

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

MS2202.0126/1-3

Nơi lấy mẫu : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU, NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI**

Địa chỉ : **Lô C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM**

Ngày đo đạc và lấy mẫu : 23/02/2022

Cán bộ đo đạc và lấy mẫu : Hoàng Hải – Phú Diễn

Stt	Vị trí đo đạc	Bụi tổng (mg/Nm ³)	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($C_{max} = C \cdot K_p \cdot K_v$) với $K_p = 0,9$; $K_v = 1$	Phương pháp đo đạc/phân tích
1	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi (khu vực nhập Malt, gạo) – ống số 1 VN2000: 0580106; 1214536	31	180	US EPA Method 5
2	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi (khu vực nhập Malt, gạo) – ống số 2 VN2000: 0580096; 1214540	44		
3	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi (khu vực nhập Malt, gạo) – ống số 3 VN2000: 0580205; 1214533	28		

Ghi chú:

- C_{max} : nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³).
- C: giá trị nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 theo QCVN 19:2009/BTNMT.
- $K_p = 0,9$: hệ số lưu lượng nguồn thải với lưu lượng $20.000 < P \leq 100.000$ m³/h.
- $K_v = 1$: hệ số vùng, khu vực khu công nghiệp.
- QCVN 19:2009/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ).

Đại diện nhóm phân tích



Mai Thị Thùy Trinh

Ngày 03 tháng 03 năm 2022

P. Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thủy

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi lấy mẫu/đo đạc/gửi mẫu.

- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06.KK-KT**

Lần ban hành: 07

Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 1/1



Trung Tâm Công Nghệ & Quản Lý Môi Trường

Lô T2-6, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM - Tel: (84.28) 3733 2121 - Fax: (84.28) 3733 2126 - www.etmcenter.com.vn



VIMCERTS
052

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

MS2202.0126/4-6

Nơi lấy mẫu : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU, NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI**

Địa chỉ : **Lô C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM**

Ngày đo đạc và lấy mẫu : 23/02/2022

Cán bộ đo đạc và lấy mẫu : **Hoàng Hải – Phú Diễn – Cảnh Tài**

Stt	Vị trí đo đạc		Bụi tổng (mg/Nm ³)	Nhiệt độ (°C)	NO _x (mg/Nm ³)	SO ₂ (mg/Nm ³)	CO (mg/Nm ³)	CO ₂ (%)	O ₂ (%)	Thải lượng (m ³ /h)
1	Ổng khói thải lò hơi <i>VN2000: 0580145; 1214541</i>	Mẫu 1	71	110	111	KPH (LOD = 1)	33	10,12	7,29	22611
		Mẫu 2	55	111	90	KPH (LOD = 1)	42	10,93	6,20	22640
		Mẫu 3	84	110	112	KPH (LOD = 1)	42	11,23	5,78	27332
		<i>Trung bình</i>	70	<i>110</i>	<i>104</i>	KPH (LOD = 1)	<i>39</i>	<i>10,76</i>	<i>6,42</i>	<i>24194</i>
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (C _{max} = C*K _p *K _v) với K _p = 0,9; K _v = 1			180	-	765	450	900	-	-	-
Phương pháp đo đạc/phân tích			US EPA Method 5	SOP-HTK07	SOP-HTK6a (TESTO 350, Đức)					US EPA Method 2

Ghi chú:

- C_{max} : nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³).
- C: giá trị nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 theo QCVN 19:2009/BTNMT.
- $K_p = 0,9$: hệ số lưu lượng nguồn thải với lưu lượng $20.000 < P \leq 100.000$ m³/h.
- $K_v = 1$: hệ số vùng, khu vực khu công nghiệp.
- QCVN 19:2009/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ).
- Nhiên/nguyên liệu đốt: dầu DO.
- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.

Đại diện nhóm phân tích

Mai Thị Thùy Trinh

Ngày 03 tháng 03 năm 2022



Nguyễn Thị Bích Thủy

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi lấy mẫu/đo đạc/gửi mẫu.

- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06.KK-KT**

Lần ban hành: 07

Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 1/1



Trung Tâm Công Nghệ & Quản Lý Môi Trường

Lô T2-6, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM - Tel: (84.28) 3733 2121 - Fax: (84.28) 3733 2126 - www.etmcenter.com.vn



VIMCERTS
052

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

MS 2202.0126/8

Nơi lấy mẫu : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU,
NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI**
Địa chỉ : Lô C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM
Kí hiệu mẫu : Nước thải sau xử lý
Tọa độ: 0580641; 1214661

Ngày lấy mẫu : 23/02/2022
Cán bộ lấy mẫu : Hoàng Hải – Phú Diễn
Thời điểm lấy mẫu : 10h05

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 2202.0126/8	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Phương pháp đo đạc/ phân tích
1	Nhiệt độ	°C	30,1	40	SMEWW 2550 B (2017)
2	pH, ở 25°C	-	8,85	6 - 9	TCVN 6492 :2011 (ISO 10523:2008)
3	Độ màu thực, ở pH = 7	Pt-Co	6	50	SMEWW 2120 C (2017)
4	TSS	mg/L	KPH (LOD = 5)	45	TCVN 6625:2000
5	COD	mgO ₂ /L	14	67,5	SMEWW 5220 C (2017)
6	BOD ₅	mgO ₂ /L	2	27	SMEWW 5210 B (2017)
7	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD = 0,5)	4,5	SMEWW 4500-NH ₃ B&C (2017)
8	Tổng Nito	mg/L	12,9	18	TCVN 6638:2000 (ISO 10048:1991)
9	Tổng Phospho	mg/L	0,57	3,6	SMEWW 4500-P.B&D (2017)

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.

- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06-N+R**

Lần ban hành: 07

Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 1/2



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 2202.0126/8	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Phương pháp đo đặc/ phân tích
10	Sunfua	mg/L	KPH (LOD = 0,02)	0,18	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D (2017)
11	Clo dư	mg/L	0,8	0,9	TCVN 6225-2:2012
12	Dầu khoáng	mg/L	KPH (LOD = 1)	4,5	SMEWW 5520 B&F (2017)
13	As	mg/L	KPH (LOD = 0,003)	0,045	SMEWW 3120 B (2017)
14	Hg	mg/L	KPH (LOD = 0,001)	0,0045	SMEWW 3112 B (2017)
15	Cd	mg/L	KPH (LOD = 0,009)	0,045	SMEWW 3120 B (2017)
16	Pb	mg/L	KPH (LOD = 0,013)	0,09	SMEWW 3120 B (2017)
17	Coliform	MPN/100mL	KPH (LOD = 3)	3000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Phương pháp Lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995 và TCVN 6663-3:2016.

KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử,

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt,

Trong đó:

C_{max} : Là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải, (mg/L),

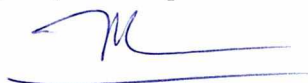
C: Là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 mục 2,2,

$K_q = 0,9$: Là hệ số Lưu Lượng dòng chảy của nguồn tiếp nhận nước thải có $Q \leq 50 \text{ m}^3/\text{s}$,

$K_f = 1,0$: Là hệ số theo Lưu Lượng nguồn thải có $500 < F \leq 5000 \text{ m}^3/24\text{h}$,

Áp dụng giá trị tối đa cho phép $C_{max} = C$ (không áp dụng hệ số K_q và K_f đối với các thông số: pH, độ màu, Coliform),

Đại diện nhóm phân tích



Mai Thị Thùy Trinh

Ngày 02 tháng 03 năm 2022

Giám đốc



Huỳnh Ngọc Phương Mai

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác.

- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06-N+R**

Lần ban hành: 07

Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 2/2



Trung Tâm Công Nghệ & Quản Lý Môi Trường

Lô T2-6, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM - Tel: (84.28) 3733 2121 - Fax: (84.28) 3733 2126 - www.etmcenter.com.vn



VIMCERTS
052

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

MS 2202.0126/7

Nơi lấy mẫu : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU,
NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI**
Địa chỉ : **Lô C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM**
Kí hiệu mẫu : **Nước thải trước xử lý**
Tọa độ: 0580634; 1214839

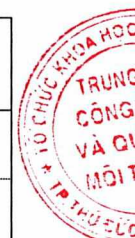
Ngày lấy mẫu : 23/2/2022
Cán bộ lấy mẫu : Hoàng Hải – Phú Diễn
Thời điểm lấy mẫu : 10h00

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 2202.0126/7	Phương pháp đo đạc/ phân tích
1	Nhiệt độ	°C	29,3	SMEWW 2550 B (2017)
2	pH, ở 25°C	-	9,12	TCVN 6492 :2011 (ISO 10523:2008)
3	Độ màu thực, ở pH = 7	Pt-Co	168	SMEWW 2120 C (2017)
4	TSS	mg/L	841	TCVN 6625:2000
5	COD	mgO ₂ /L	3014	SMEWW 5220 C (2017)
6	BOD ₅	mgO ₂ /L	2190	SMEWW 5210 B (2017)
7	N-NH ₄ ⁺	mg/L	36,4	SMEWW 4500-NH ₃ B&C (2017)
8	Tổng Nito	mg/L	77,6	TCVN 6638:2000 (ISO 10048:1991)
9	Tổng Phospho	mg/L	36,9	SMEWW 4500-P.B&D (2017)

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06-N+R**
Lần ban hành: 07
Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 1/2



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 2202.0126/7	Phương pháp đo đạc/ phân tích
10	Sunfua	mg/L	1,72	SMEWW 4500 S ² .B&D (2017)
11	Clo dư	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	TCVN 6225-2:2012
12	Dầu khoáng	mg/L	KPH (LOD = 1)	SMEWW 5520 B&F (2017)
13	Coliform	MPN/100mL	24000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Phương pháp Lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995 và TCVN 6663-3:2016.
KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử.

Đại diện nhóm phân tích



Mai Thị Thùy Trinh

Ngày 02 tháng 03 năm 2022

Giám đốc



Huỳnh Ngọc Phương Mai



- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06-N+R**

Lần ban hành: 07

Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 2/2